

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1150/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 600/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 505/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị H**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Lưu Thuận Đ**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ (nơi làm việc): phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đặng Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Lưu Thuận Đ vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Bà và ông Lưu Thuận Đ bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, do hai

bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2002 khi bà mang bầu đứa con thứ hai thì phát hiện chồng có quan hệ tình cảm với người khác nhưng vì thương con nên bà bỏ qua nhưng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do đó bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lưu Thuận Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lưu Đặng Kiều O, sinh ngày 19/11/1994 và Lưu Đặng Kiều T, sinh ngày 13/8/2002. Tất cả con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lưu Thuận Đ trình bày:

Ông và bà Đặng Thị H bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Nay bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Lưu Đặng Kiều O, sinh ngày 19/11/1994 và Lưu Đặng Kiều T, sinh ngày 13/8/2002. Tất cả con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, ông bà có tích góp được căn nhà tại địa chỉ 1058/31/2 ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi cả nhà đang sinh sống, giá trị tạm tính là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà nêu trên, ông yêu cầu được nhận 50% giá trị căn nhà.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H đối với ông Lưu Thuận Đ thì đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lưu Thuận Đ có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đặng Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Lưu Thuận Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia

phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Đ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ đều xác nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do đó bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lưu Thuận Đ, còn ông Đ cũng đồng ý.

[4] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[5] Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[6] Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[7] Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.*

[8] Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn nên giữa bà H và ông Đ không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng do đó yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về con chung: Bà H và ông Đ đều xác nhận có 02 con chung tên là Lưu Đặng Kiều O, sinh năm: 1994 và Lưu Đặng Kiều T, sinh năm: 2002. Tất cả con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về tài sản chung: Bà H xác nhận trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Thuận Đ trình bày trong thời gian chung sống như vợ chồng, ông và bà H có tích góp được căn nhà tại địa chỉ 1058/31/2 ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi cả nhà đang sinh sống, giá trị tạm tính là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà nêu trên, ông yêu cầu được nhận 50% giá trị căn nhà. Để có cơ sở xem xét, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông Đ, Tòa án đã lần lượt phát hành và tổng đạt Thông báo số 103/TB-TA ngày 31/7/2023, Thông báo số 112/TB-TA ngày 16/8/2023 và Thông báo số 121/TB-TA ngày 18/9/2023 để yêu cầu ông Đ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và nộp tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tuy nhiên, ông Đ không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung cho Tòa án. Điều này chứng tỏ ông Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề tài sản chung trong vụ án này, trường hợp sau này ông Đ có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền nộp đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

[11] Về nợ chung: Bà H và ông Đ đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ.

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ có 02 (hai) con chung tên là Lưu Đặng Kiều Oanh, sinh năm: 1994 và Lưu Đặng Kiều Tiên, sinh năm: 2002. Tất cả con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0019767 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị H và ông Lưu Thuận Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Kim Tuyền